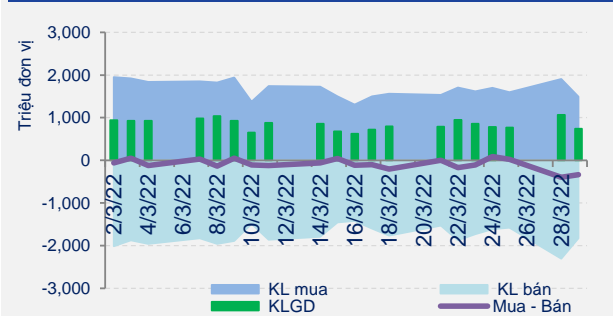
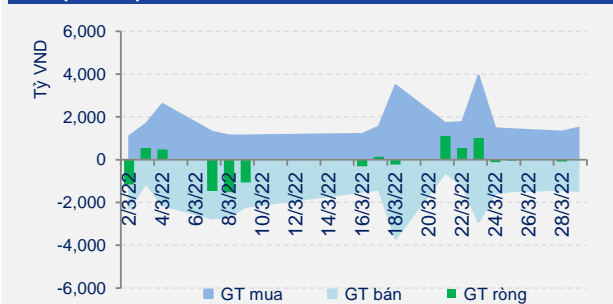


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,497.76	461.24
% Thay đổi	↑ 0.98%	↑ 1.40%
KLGD (CP)	737,941,908	149,587,589
GTGD (tỷ đồng)	23,486.72	4,008.49
Tổng cung (CP)	1,828,064,600	200,551,500
Tổng cầu (CP)	1,492,742,200	187,596,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,841,780	531,600
KL mua (CP)	28,904,470	780,700
GT mua (tỷ đồng)	1,493.43	20.00
GT bán (tỷ đồng)	1,471.22	19.54
GT ròng (tỷ đồng)	22.21	0.46

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 6.39%	22.0	3.7	4.1%
Công nghiệp	↑ 1.73%	23.6	3.2	15.6%
Dầu khí	↑ 1.36%	19.2	2.1	4.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.99%	-	10.9	5.2%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.79%	16.7	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.57%	19.2	3.6	10.9%
Ngân hàng	↑ 0.53%	12.1	2.3	10.3%
Nguyên vật liệu	↑ 0.34%	10.7	2.6	17.2%
Tài chính	↑ 1.39%	21.4	3.2	30.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.96%	18.2	2.8	1.4%
VN - Index	↑ 0.98%	17.2	3.1	
HNX - Index	↑ 1.40%	22.2	3.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ khá tích cực trong phiên đêm qua và tình hình trong nước cũng vẫn ổn định khi không có những tin tức tiêu cực nào đã giúp thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục và lấy lại gần như toàn bộ mức giảm của phiên trước đó. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 14,58 điểm (+0,98%) lên 1.497,76 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 346 mã tăng (26 mã tăng trần), 44 mã tham chiếu, 108 mã giảm (6 mã giảm sàn). Cổ phiếu "họ FLC" tiếp tục bị bán mạnh trong phiên hôm nay nhưng tình hình là bớt tiêu cực hơn với chỉ AMD (-6,9%), HAI (-7%), ROS (-7%), FLC (-7%) kết phiên ở giá sàn, còn KLF (-7,8%) và ART (-5,8%) ít nhiều đã nhận được lực cầu bắt đáy và kết phiên trong sắc đỏ. Các cổ phiếu bất động sản và xây dựng khác thì có sự hồi phục khá tốt sau phiên giảm mạnh hôm qua với HQC (+6,9%), DIG (+7%), VPH (+7%), QCG (+7%), CIG (+6,7%), MCG (+6,6%), CTD (+6,9%), C47 (+6,9%)... bật tăng trần. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+1,11%) có diễn biến tốt hơn so với thị trường chung với 24/30 mã tăng giá. Ấn tượng nhất là FPT (+6,9%) tăng trần lên 104.900 đồng/cổ phiếu, thiết lập mức cao lịch sử mới. Các mã BVH (+5%), VNM (+2,9%), TPB (+2,2%), PNJ (+2,1%), VHM (+2,1%), BID (+1,9%), GVR (+1,9%), MWG (+1,7%), VRE (+1,7%), MBB (+1,6%), VJC (+1,5%), STB (+1,4%), GAS (+1,3%), POW (+1,2%)... đều tăng trên 1%. Cổ phiếu ngành chứng khoán cũng hồi phục trở lại khá tốt với SSI (+0,9%), VND (+2,3%), SHS (+1%), FTS (+2,6%), ORS (+1,3%), VIX (+4,7%), HCM (+1,5%), VCI (+1,8%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thị trường ổn định trở lại tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường hồi phục và lấy lại gần như toàn bộ số điểm đã mất của phiên trước đó. Tuy nhiên, thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay lại không thực sự tốt khi giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy việc nhà đầu tư vẫn đang thận trọng ở giai đoạn hiện tại. Phía trước của thị trường sẽ là ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm cần vượt qua trước khi nghĩ đến những ngưỡng kháng cự cao hơn như 1.520 điểm. Chúng tôi cho rằng, trong phiên giao dịch tiếp theo 30/3, thị trường có thể tiếp nối đà hồi phục để hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước đó trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ. Nếu thị trường tăng mạnh để hướng đến vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm trong thời gian tới sẽ là lúc thích hợp để hiện thực hóa lợi nhuận.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.498,45 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 14,58 điểm (+0,98%) lên 1.497,76 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 1.600 đồng, FPT tăng 6.800 đồng, VNM tăng 2.100 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 450,97 điểm. Nhưng cũng có thời điểm trong phiên sáng, chỉ số hồi phục nhẹ lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 462,19 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 6,86 điểm (-1,49%) xuống 454,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 4.100 đồng, THD tăng 1.000 đồng, L14 tăng 14.300 đồng. Ở chiều ngược lại, KLF giảm 500 đồng.

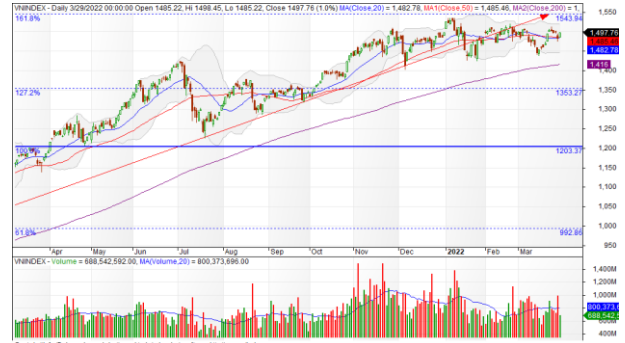
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 22,21 tỷ đồng. DGC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 191,6 tỷ đồng tương ứng với 844 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là EIB với 146,7 tỷ đồng tương ứng với 4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 148,3 tỷ đồng tương ứng với 3,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 329,72 triệu đồng tương ứng với khối lượng ròng 249,1 nghìn cổ phiếu. BCC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 8,9 tỷ đồng tương ứng với 349,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 1,2 tỷ đồng tương ứng với 33,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 6,6 tỷ đồng tương ứng với 176,2 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục tốt trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu mua lên đã xuất hiện nhưng là chưa thực sự mạnh, số điểm tăng được vẫn phụ thuộc một phần do áp lực bán yếu.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục hôm nay (+0,98%) giúp chỉ số VN-Index lấy lại được gần như toàn bộ số điểm đã mất của ngày trước đó. VN-Index đã vượt qua được hoàn toàn vùng hỗ trợ 1.480-1.485 điểm (MA20-50) và phía trước sẽ là ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 30/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.480-1.485 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy quay trở lại.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Vượt khó khăn dịch bệnh, GDP quý 1 của Việt Nam tăng 5.03%

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê mới công bố, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1 năm 2022 ước tính tăng 5.03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4.72% của quý 1 năm 2021 và 3.66% của quý 1 năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6.85% của quý 1 năm 2019.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68,4 - 69,2 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ngày 29/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.151 VND/USD, tăng 5 đồng so với hôm qua.

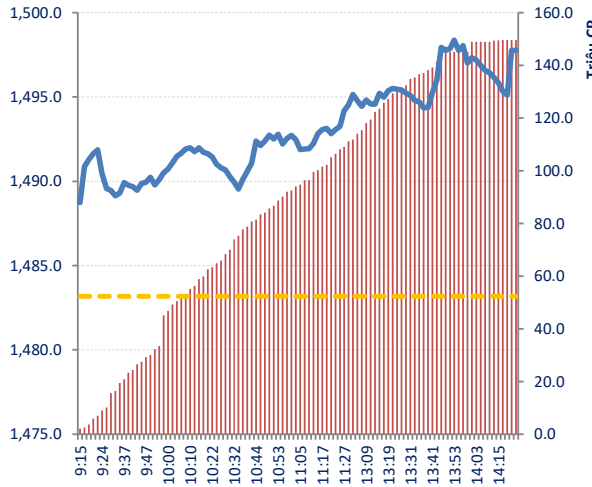
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 26,45 USD/ounce tương ứng với 1,37% xuống 1.913,45 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,093 điểm tương ứng 0,09% lên 99,155 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0977 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3138 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 123,8 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,9 USD/thùng tương ứng với 0,85% lên 106,88 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/3, Dow Jones tăng 94,65 điểm tương ứng với 0,27% lên 34.955,89 điểm. Nasdaq tăng 185,6 điểm tương đương 1,31% lên 14.354,9 điểm. Nasdaq Composite tăng 32,46 điểm tương đương 0,71% lên 4.575,52 điểm.

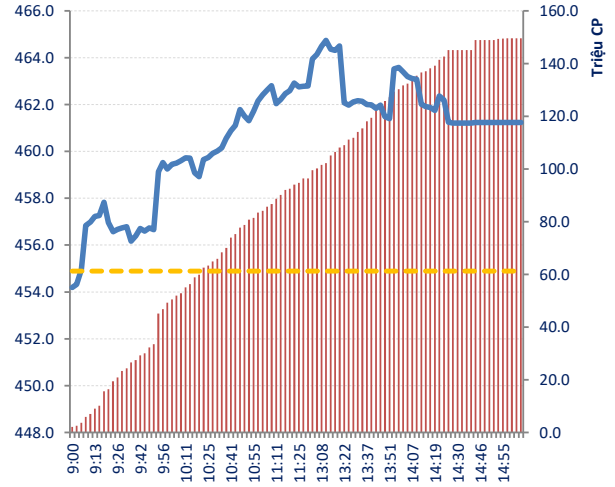


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

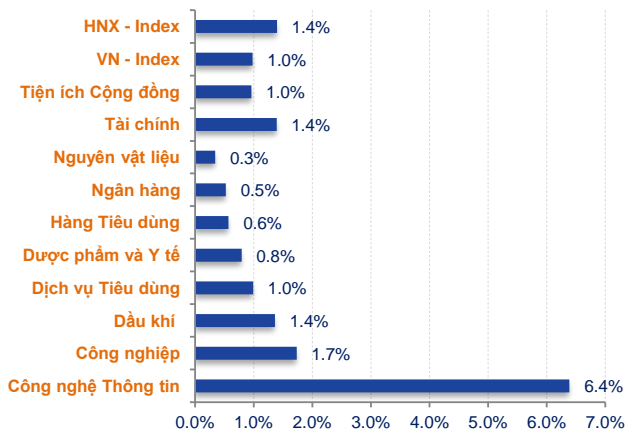
KLGD và VN-Index trong phiên



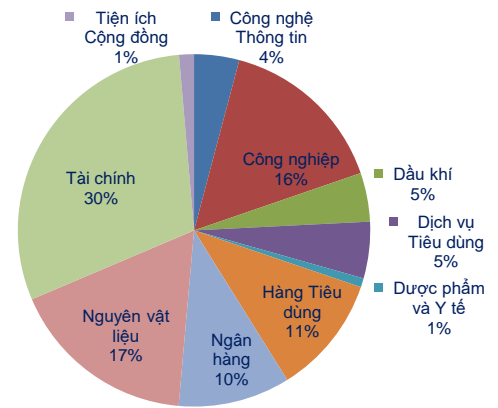
KLGD và HNX-Index trong phiên



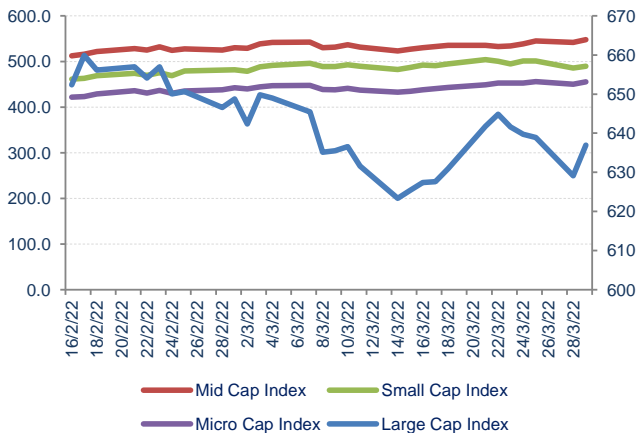
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



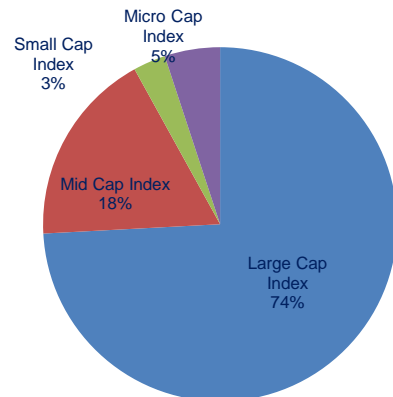
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EIB	3,953,070	HPG	3,224,500
2	DGC	844,100	FUESSVFL	1,997,100
3	FTS	741,100	FUEVFVND	1,006,500
4	HQC	689,200	VIC	790,200
5	VHM	428,400	AMD	744,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BCC	349,900	NVB	176,200
2	KLF	57,500	PLC	59,200
3	TA9	54,600	PHP	37,300
4	PVS	33,700	DNM	24,500
5	PVI	20,900	SCI	15,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	9.40	10.05	↑ 6.91%	36,796,800
AMD	6.65	6.19	↓ -6.92%	24,282,800
HAI	6.32	5.88	↓ -6.96%	22,828,600
ORS	27.90	28.25	↑ 1.25%	18,548,600
HNG	10.80	10.65	↓ -1.39%	16,811,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.40	5.90	↓ -7.81%	28,549,548
PVS	36.10	37.20	↑ 3.05%	15,176,106
ART	10.30	9.70	↓ -5.83%	12,108,779
IDC	73.00	74.80	↑ 2.47%	6,893,746
PVC	30.00	32.20	↑ 7.33%	4,608,534

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNL	25.75	27.55	1.80	↑ 6.99%
HUB	45.10	48.25	3.15	↑ 6.98%
CMG	55.80	59.70	3.90	↑ 6.99%
VDP	37.30	39.90	2.60	↑ 6.97%
PDN	101.80	108.90	7.10	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VDL	18.10	19.90	1.80	↑ 9.94%
KDM	21.20	23.30	2.10	↑ 9.91%
UNI	29.30	32.20	2.90	↑ 9.90%
VIE	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
TOT	17.20	18.90	1.70	↑ 9.88%

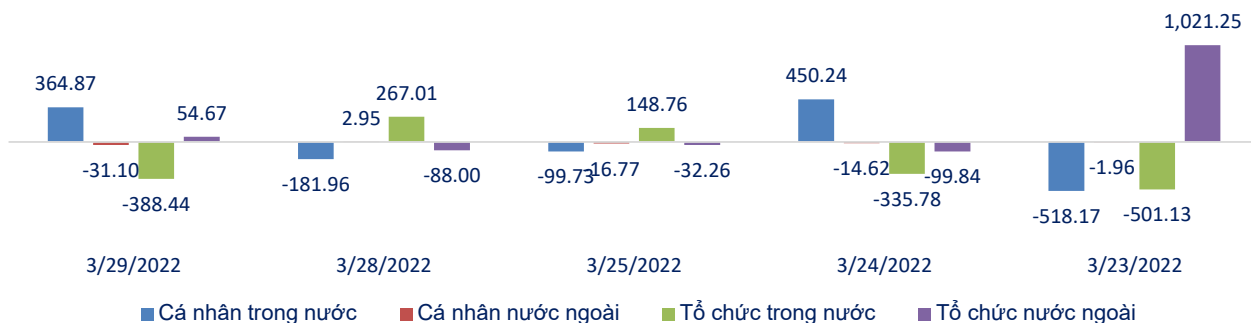
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FLC	13.60	12.65	-0.95	↓ -6.99%
HAI	6.32	5.88	-0.44	↓ -6.96%
ROS	8.77	8.16	-0.61	↓ -6.96%
AMD	6.65	6.19	-0.46	↓ -6.92%
TNC	47.05	43.80	-3.25	↓ -6.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BST	19.20	17.30	-1.90	↓ -9.90%
L62	10.20	9.20	-1.00	↓ -9.80%
NBP	21.00	19.00	-2.00	↓ -9.52%
TST	12.70	11.50	-1.20	↓ -9.45%
SGC	70.50	64.10	-6.40	↓ -9.08%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	176.94	46.0%	7,708	6.0	2.3
MWG	68.61	27.3%	6,895	20.9	5.0
VIC	64.42	-1.9%	(717)	-	1.9
DGW	59.79	44.7%	7,476	19.8	7.3
CTG	36.83	15.7%	2,932	10.8	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	-54.50	50.0%	10,418	5.0	2.0
MBB	-47.13	22.6%	3,361	9.4	1.9
FTS	-47.12	32.6%	5,774	9.9	3.0
DGC	-37.60	45.9%	13,959	16.8	7.8
EIB	-31.74	5.6%	785	46.8	2.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	6.68	N/A	N/A	N/A	N/A
HDC	4.66	23.6%	3,664	27.5	5.9
FLC	3.67	0.7%	119	114.3	1.0
BVH	2.23	8.8%	2,535	23.1	2.0
NKG	1.94	50.0%	10,418	5.0	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-11.90	0.1%	46	786.8	1.1
DGC	-7.50	45.9%	13,959	16.8	7.8
AMD	-4.13	0.6%	75	88.8	0.5
DGW	-3.80	44.7%	7,476	19.8	7.3
CII	-3.47	-4.1%	(1,390)	-	0.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	55.33	7.2%	1,483	26.0	1.6
FUESSVFL	41.24	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	38.63	22.6%	3,361	9.4	1.9
NKG	37.98	50.0%	10,418	5.0	2.0
APH	22.14	1.1%	224	130.6	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-153.97	45.9%	13,959	16.8	7.8
EIB	-114.54	5.6%	785	46.8	2.5
MWG	-68.61	27.3%	6,895	20.9	5.0
CII	-31.92	-4.1%	(1,390)	-	0.9
CTG	-31.58	15.7%	2,932	10.8	1.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	199.06	45.9%	13,959	16.8	7.8
EIB	146.40	5.6%	785	46.8	2.5
FTS	44.18	32.6%	5,774	9.9	3.0
VHM	33.88	35.3%	9,036	8.3	2.5
VNM	27.33	30.3%	5,042	14.6	4.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-145.17	46.0%	7,708	6.0	2.3
VIC	-63.03	-1.9%	(717)	-	1.9
DGW	-48.92	44.7%	7,476	19.8	7.3
FUESSVFL	-43.05	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFVND	-36.33	N/A	N/A	N/A	N/A



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	36,796,800	0.1%	9	1,078.2	1.0
AMD	24,282,800	3250.0%	75	88.8	0.5
HAI	22,828,600	0.3%	37	169.8	0.5
ORS	18,548,600	13.5%	1,450	19.2	2.6
HNG	16,811,400	-15.3%	(1,010)	-	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	28,549,548	0.4%	40	158.4	0.6
PVS	15,176,106	4.7%	1,260	28.7	1.4
ART	12,108,779	3.0%	350	29.5	0.9
IDC	6,893,746	9.6%	1,508	48.4	4.7
PVC	4,608,534	0.9%	146	205.2	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNL	↑ 7.0%	15.6%	4,059	6.3	0.9
HUB	↑ 7.0%	11.1%	2,742	16.4	1.8
CMG	↑ 7.0%	10.0%	2,273	24.5	2.3
VDP	↑ 7.0%	10.8%	3,118	12.0	1.1
PDN	↑ 7.0%	23.4%	8,681	11.7	2.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VDL	↑ 9.9%	2.1%	291	62.1	1.3
KDM	↑ 9.9%	0.1%	6	3,589.3	1.9
UNI	↑ 9.9%	0.0%	1	26,022.4	2.8
VIE	↑ 9.9%	12.8%	905	10.1	1.2
TOT	↑ 9.9%	7.5%	860	20.0	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	3,953,070	5.6%	785	46.8	2.5
DGC	844,100	45.9%	13,959	16.8	7.8
FTS	741,100	32.6%	5,774	9.9	3.0
HQC	689,200	0.1%	9	1,078.2	1.0
VHM	428,400	35.3%	9,036	8.3	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BCC	349,900	4.0%	685	36.5	1.4
KLF	57,500	0.4%	40	158.4	0.6
TA9	54,600	12.9%	1,579	9.7	1.2
PVS	33,700	4.7%	1,260	28.7	1.4
PVI	20,900	11.2%	3,722	14.1	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	389,959	21.3%	4,629	17.8	3.5
VHM	326,142	35.3%	9,036	8.3	2.5
VIC	307,022	-1.9%	(717)	-	1.9
GAS	211,491	17.1%	4,531	24.4	4.1
BID	210,435	12.7%	2,090	19.9	2.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,080	21.8%	2,805	60.2	9.3
KSF	32,550	9.0%	1,373	79.0	5.4
IDC	21,900	9.6%	1,508	48.4	4.7
NVB	20,379	0.0%	3	11,397.5	3.4
VCS	18,400	40.6%	11,096	10.4	3.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.40	-2.8%	(310)	-	0.8
CII	3.11	-4.1%	(1,390)	-	0.9
NHA	2.95	0.8%	78	779.4	6.0
DLG	2.89	0.7%	53	144.9	0.9
HAR	2.86	3.4%	372	30.8	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.88	7.0%	343	40.3	2.7
CEO	2.40	2.7%	362	182.3	4.8
ART	2.27	3.0%	350	29.5	0.9
KLF	2.12	0.4%	40	158.4	0.6
APS	2.05	62.2%	9,839	3.1	2.6



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn